TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2023.
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Trường.
2. Ông Nguyễn Văn Tho.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 267/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị K, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Bùi Thị K trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn năm 2018, có làm lễ cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang vào năm 2018. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng

không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có một con chung, cháu Phạm Thảo N, sinh ngày 28/01/2019, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phạm Văn B trình bày: Bị đơn và nguyên đơn tự nguyện tới hôn nhân vào năm 2018, có làm lễ cưới theo truyền thống, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng do bị đơn và nguyên đơn không phù hợp nhau trong tính tình, cách sống, vợ bỏ đi khi mang thai con, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018 và đã ly thân từ năm 2018. Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Thời gian chung sống bị đơn và nguyên đơn có một con chung. Về con chung bị đơn yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của nguyên đơn và bị đơn. Về con chung, giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không có đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Bùi Thị K và bị đơn Phạm Văn B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn vào năm 2018, theo quy định của

luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính tình và cách sống, nguyên đơn và bị đơn đã cho nhau cơ hội nhưng không thể hàn gắn được với nhau, sống ly thân từ năm 2019 đến nay, vợ chồng tự ai nấy sống. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nguyên đơn và bị đơn thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung, thời gian chung sống nguyên đơn và bị đơn có một con chung. Theo lời khai của nguyên đơn, con chung đã sống với nguyên đơn từ lúc sinh ra đến nay, bị đơn cũng thừa nhận khi nguyên đơn đang mang thai con chung thì nguyên đơn và bị đơn đã không sống chung với nhau. Từ lúc sinh con nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân thời gian này con chung sống với nguyên đơn, chi tiết này phù hợp với lời khai của nguyên đơn và bị đơn. Chứng tỏ con chung đã sống ổn định với nguyên đơn nên cần trách xáo trộn trong cuộc sống và tâm lý của bé nên ổn định cho nguyên đơn nuôi con chung là phù hợp. Hội đồng xét xử giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn chưa phải cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39,147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 55, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn Bùi Thị K và bị đơn Phạm Văn B thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bùi Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thảo N, giới tính: Nữ, sinh ngày 28/01/2019. Bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích, của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Bùi Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0010808 ngày 14/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

3. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhân